CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 004/EB/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 02839958368 Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ME THÁI LAN TÁCH VỎ NATCHA**
2. Thành phần: Me khô.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong khay nhựa PP, bên ngoài là túi nhựa PP.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): K.L. Interfood Co., Ltd; 670/63 Phahonyothin Rd., Samseannai, Phayathai, Bangkok 10400, Thailand (Thái Lan).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	CFU/g	Không có
4	*Cl.perfringens*	CFU/g	10
5	*B.cereus*	CFU/g	10^2
6	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thảo

Director - International Import

ĐÍNH KÈM :

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

ME THÁI LAN TÁCH VỎ NATCHA

Thành phần: Me khô.

Khối lượng tịnh: 200 g

Dùng trực tiếp. Bảo quản ở nhiệt độ 5 - 10°C

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất, đóng gói và xuất khẩu bởi: K.L. Interfood Co., Ltd; 670/63 Phahonyothin Rd., Samseannai, Phayathai, Bangkok 10400, Thailand (Thái Lan).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB; số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng

Số tự công bố: 004/EB/2020

M.S.D.N: 0105696842 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

NHÃN GỐC SẢN PHẨM

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2020-00015736
Mã số kết quả	AR-20-VD-017706-02 / EUVNHC-00094487

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-20-VD-017706-01/743-2020-00015736, xuất ngày 03/04/2020; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

Công Ty TNHH Dịch Vụ EB

Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 1
Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu:	ME THÁI LAN TÁCH VỎ NATCHA
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	28/02/2020
Thời gian thử nghiệm:	28/02/2020 - 01/04/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	05/03/2020
Mã số PO của khách hàng :	GG8T200228678

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) *Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) *Coliforms*	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD353 VD (a)(f) *Escherichia coli*	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD0GC VD *Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc*	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
8	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
10	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Những chỉ tiêu vi sinh trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với (mục 6.6.2. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong rau quả khô) theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT–Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm;
Hai chỉ tiêu kim loại nặng (As, Pb) trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
Những chỉ tiêu độc tố vi nấm trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG QUẬN 9 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 13/04/2020

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*